

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Quyết toán	Nội dung	Quyết toán
Tổng số thu	16,287,540,124	Tổng số chi	16,275,379,124
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	761,866,673	I. Chi đầu tư phát triển	9,106,224,000
		1. Chi Xây dựng cơ bản	9,106,224,000
		2. Chi đầu tư phát triển khác	-
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	344,604,803	II. Chi thường xuyên	6,660,783,600
III.Thu bổ sung	10,323,734,000	III Chi chuyển nguồn của NSX sang năm sau (nếu có)	498,371,524
- Bổ sung cân đối	4,784,932,000	IV. Kết dư	
- Bổ sung có mục tiêu	5,538,802,000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	3,665,324,300	V. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	10,000,000
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NSX (nếu có)	1,192,010,348		
Kết dư ngân sách	12,161,000		

1866571.61,357,428.40)

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	-	5,706,700,000	-	16,287,540,124		128.6%
I	Các khoản thu 100%	-	221,000,000	-	761,866,673		345%
1	Phí, lệ phí		25,000,000		13,104,000		52%
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		136,000,000		238,850,000		176%
	<i>Trong đó: Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất</i>						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		60,000,000		509,912,673		850%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	-	771,200,000	-	344,604,803		45%
1	Các khoản thu phân chia		80,000,000	-	71,406,896		89%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		9,000,000		7,020,000		78%
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		11,000,000		8,850,000		80%
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		60,000,000		55,536,896		93%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		691,200,000		273,197,907		40%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				1,192,010,348		0%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				3,665,324,300		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4,714,500,000	-	10,323,734,000		219%
	Thu bổ sung cân đối ngân sách		4,710,500,000		4,784,932,000		102%
	Thu bổ sung có mục tiêu		4,000,000		5,538,802,000		138470%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 785 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5,706,700,000	600,000,000	5,106,700,000	16,275,379,124	9,116,224,000	7,159,155,124	285%	1519%	140%
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	15,600,000		15,600,000	5,552,783,300	5,541,483,300	11,300,000	35595%		72%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Giao thông	13,840,000		13,840,000	902,840,000	889,000,000	13,840,000	6523%		100%
5	Chi văn hoá, thông tin	25,300,000		25,300,000	27,800,000		27,800,000	110%		110%
6	Chi phát thanh, truyền hình	55,100,000		55,100,000	48,100,000		48,100,000	87%		87%
7	Chi thể dục thể thao	25,300,000		25,300,000	12,500,000		12,500,000	49%		49%
8	Chi bảo vệ môi trường	23,700,000		23,700,000	23,700,000		23,700,000	100%		100%
9	Chi các hoạt động kinh tế	24,200,000		24,200,000	524,512,000		524,512,000	2167%		2167%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,968,740,400	540,000,000	4,428,740,400	8,206,887,700	2,685,740,700	5,521,147,000	165%		125%
11	Chi công tác xã hội	451,919,600		451,919,600	477,884,600		477,884,600	106%		106%
12	Chi khác	-			-					
13	Dự phòng, tiết kiệm	103,000,000	60,000,000	43,000,000	-					
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-			498,371,524		498,371,524			

QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 785 /QĐ-UBND, ngày 05 tháng 7 năm 2020 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		42,033.86	2,554.60	27,314.00	19,618.47	19,618.47	19,618.47	-
A	Công trình chuyển tiếp		12,262.04	-	-	2,697.05	2,697.05	2,697.05	-
I	Đường giao thông		1,221	0	0	20	20	20	0
	Cống thoát nước thôn Đầu + thôn Tè	12/2018-3/2019	1,221			20.000	20.00	20.00	
2	Trường học		7,173	0	0	989	989	989	0
	Hệ thống thoát nước, cải tạo sân vườn trường mầm non	10/2019-12/2019	970			790.509	790.51	790.51	
	Cải tạo nhà đa năng, nhà xe, rãnh thoát nước, các phụ trợ trường THCS	10/2019-11/2019	99			98.554	98.55	98.55	
	San lấp, sân vườn, tường rào nhà lớp học 2T4P trường Mầm non	12/2018-6/2019	6,105			100.000	100.00	100.00	
3	Trụ sở, hội trường UBND xã		3,868.74	-	-	1,687.99	1,687.99	1,687.99	-
	Cải tạo nhà làm việc, xây mới các hạng mục phụ trợ UB	12/2019-3/2020	1,205			857.479	857.48	857.48	
	Tường rào, cống thoát nước	8/2019-01/2020	1,199			504.446	504.45	504.45	
	Nghè Bến xã Hợp Tiến	4/2019-8/2019	1,231			197.051	197.05	197.05	
	Các hạng mục phụ trợ Nghè Bến	11/2019-12/2019	234			129.012	129.01	129.01	
B	Công trình khởi công mới		29,772	2,555	27,314	16,921	16,921	16,921	
1	Đường giao thông		22,792	2,555	21,494	11,969	11,969	11,969	

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
	Xây dựng bãi đỗ xe trước Đình Đầu + lát gạch tự chèn vỉa hè trước nghĩa tràng liệt sỹ	10/2020- 02/2021	859	0		500.000	500.00	500.00	
	Nâng cấp đường trung tâm thôn La Đôi	4/2020- 7/2020	2,070	1,805	754	265.000	265.00	265.00	
	Nâng cấp đường giao thông phía đông thôn Tè	2020-2020	1,344	750	2,220	594.000	594.00	594.00	
	Nâng cấp mở rộng mặt đường xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh điện chiếu sáng đường TQ- HT	5/2020- 7/2020	14,282		14,282	7,100.000	7,100.00	7,100.00	
	Nâng cấp mở rộng mặt đường xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè đường giao thông đoạn từ ngã 3 vào nhà bia đến kênh nội đồng +GPMB đoạn từ ngã 3 Đình Đầu đến kênh nội đồng	3/2020- 7/2020	4,237		4,237	3,510.000	3,510.00	3,510.00	
2	Trường học		6,374	0	5,335	4,552	4,552	4,552	
	Sân và nhà để xe trường THCS	10/2020- 11/2020	391		319	300.000	300.00	300.00	
	Mái che bể bơi trường Tiểu học	10/2020 11/2020	387		313	300.000	300.00	300.00	
	Trường Tiểu học, hạng mục san lấp ao, tường rào rãnh thoát nước, bể bơi, bếp nhà ăn bán trú	02/2020- 7/2020	5,597		4,703	3,952.420	3,952.42	3,952.42	
3	Trụ sở, hội trường UBND xã		605	0	485	400	400	400	0
	Cải tạo nhà làm việc, hội trường và các hạng mục quanh hội trường	6/2020- 8/2020	605		485	400.000	400.00	400.00	

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 785 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0
1	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
							0
							0
							0
2	Các hoạt động sự nghiệp						
+	Chợ						
+	Bến bãi						



